

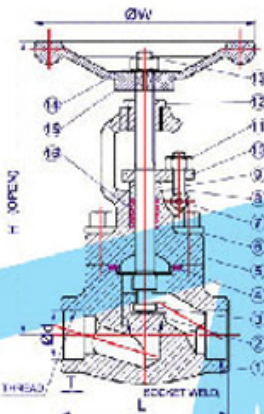


www.vandientujaki.com

Hotline: **0978 67 1212**

VAN CẦU HƠI NỒI REN THÉP RÈN A105 CLASS 800

NHÃN HIỆU	DR
TÊN SẢN PHẨM	VAN HƠI NỒI REN THÉP RÈN A105 CLASS 800
Kết Nối	Nối ren trong BSPT / NPT (TC-454S)
Thân Van	Thép rèn / Forged ASTM A105
Nắp Van	Thép rèn / Forged ASTM A105
Ty Van	Thép không gỉ ASTM A182-F6a
Đĩa Van	Thép không gỉ ASTM A276-420
Đế Van	Thép không gỉ ASTM A276-420
Áp Lực	Class 800 Lbs
Nhiệt Độ	Max 425°C
Sử Dụng	Xăng, Dầu, Gas, Hơi nóng, Khí nén, Nước,
Size	DN15 → DN50 ~ (1/2" inch → 2" inch)
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%

**-VALVE****FORGED STEEL GLOBE VALVE
800LB****SCREWED END
SOCKET WELD END****800LB 鍛鋼截止閥****800LB FORGED STEEL GLOBE VALVE****牙口端 SCREWED END**

TC-453S A182 F22-ANSI-800LB

TC-454S A105N-ANSI-800LB

TC-455S A182 F304-ANSI-800LB

TC-456S A182 F316-ANSI-800LB

套焊口端 SOCKET WELD END

TC-453SW A182 F22-ANSI-800LB

TC-454SW A105N-ANSI-800LB

TC-455SW A182 F304-ANSI-800LB

TC-456SW A182 F316-ANSI-800LB

壓力測試 TEST PRESSURE:

公稱壓力	Nominal pressure	800	CL
強度試驗	Strength testing pressure	21	MPa
上密封試驗	Back seal test	15.6	MPa
密封試驗	Seal test	15.6	MPa
氣密試驗	Steam seal test	0.6	MPa
最高工作溫度	Max. working temperature	425	°C
適用介質	Applicable	W.O.G etc	

尺寸表 DIMENSIONS:

SIZE	d	L	H	W	T
1/2"	21.6	79	160	80	9.6
3/4"	27.2	92	161	90	12.7
1"	33.0	111	200	115	12.7
1 1/4"	42.7	125	234	145	12.7
1 1/2"	48.3	152	245	145	12.7
2"	61.1	172	285	170	15.7

材質表 MATERIALS LIST:

NO.	名稱	PART NAME	CS to ASTM	AS to ASTM	SS to ASTM	
			Type A 105N	Type F 22	Type F304(L)	Type F316(L)
1	閥體	BODY	A105N	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
2	盤	DISC	A276 420	A276 F22	A276 304(L)	A276 316(L)
3	閥杆	STEM	A182 F6a	A182	A182 F304(L)	A182 F316(L)
4	墊片	GASKET	304+GRAPHITE		316+GRAPHITE	
5	閥蓋	BONNET	A105N	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
6	螺栓	BONNET BOLT	A193 B7	A193 B16	A193 B8	A193 B8M
7	銷	PIN	A276 420		A276 F304	
8	填料函蓋	GLAND	A276 420		A182 F316(L)	
9	填料螺栓	GLAND EYEBOLT	A193 B7	A193 B8	A193 B8	A193 B8M
10	填料壓板	GLAND FLANGE	A105		A182 F304	
11	壓板螺母	GLAND NUT	A194 2H	A194 4	A194 8	A194 8M
12	閥杆螺母	YOKE NUT	A276 420			
13	鎖緊螺母	HWLOCK NUT	A194 2H	A194 4	A194 8	A194 8M
14	銘牌	NAMEPLATE	SS304			
15	手柄	HANDLE/WHEEL	A187			
16	填料	STEM PACKING	EXPANDED GRAPHITE			

Sản phẩm khác



Tên Sản Phẩm	KÍNH QUAN SÁT
Nhãn Hiệu	DR
Xuất Xứ	Đài Loan
Kết Nối	Mặt bích JIS10K / DIN PN16 / ANSI 150LB
Thân	Inox 304 CF8 / Inox 316 CF8M / Gang đúc FC / Gang dẻo FCD
Nắp	Inox 304 CF8 / Inox 316 CF8M / Gang đúc FC / Gang dẻo FCD
Đệm Kín	PTFE / TEFLON / Amiang phủ than chì
Áp Lực	DIN PN16 / CLASS 150 / JIS10K
Sử Dụng	Chất lỏng
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%

[KÍNH QUAN SÁT NỐI BÍCH JIS10K](#)

[Xem thêm KÍNH QUAN SÁT NỐI BÍCH JIS10K](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Trục Van
Bì Van
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng
Đơn Giá

DR

VAN BI 1 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 316
- 304

Ren trong BSPT / NPT (2 đầu ren trong)
Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M/316 & CF8/304
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Teflon - PTFE
Maximum 1000 WOG / PSI
DN 8A đến DN 50A ~ (½" inch → 2" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, hóa chất, khí nén, hơi
nóng
Hàng có sẵn, mới 100%
Xin liên hệ

[VAN BI INOX 304 NỐI REN TAY GẠT 1PC](#)

[Xem thêm VAN BI INOX 304 NỐI REN TAY GẠT 1PC](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng



DR

VAN BI 2 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 304
Ren trong - BSPT / NPT (Nối 2 đầu ren trong)
Thép không gỉ / CF8 / Inox 304
Thép không gỉ / CF8 / Inox 304
Thép không gỉ / SUS304 / Inox 304
Thép không gỉ / SUS304 / Inox 304
Teflon - PTFE
Max 1000 WOG / PSI
DN 8A đến DN 100A (¼" inch đến 4" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, gas, hóa chất, khí nén,
hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%

[VAN BI 2PC INOX 304 NỐI REN TAY GẠT](#)

[Xem thêm VAN BI 2PC INOX 304 NỐI REN TAY GẠT](#)



NHÃN HIỆU



DR

TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đai Ốc
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng
Tình Trạng

VAN BI 3 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 316
- 304

Ren trong - BSPT / NPT
Thép không gỉ / Inox A 351CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ / Inox A 351CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
4 đai ốc thép không gỉ / Inox SUS 304
Teflon - PTFE
Maximum 1000 WOG / PSI
DN 8A đến DN 50A (1/4" inch đến 2" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%

VAN BI 3 MẢNH INOX NỐI REN

[Xem thêm VAN BI 3 MẢNH INOX NỐI REN](#)



NHÃN HIỆU TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đai Ốc
Đệm Kín
Áp Lực
Nhiệt Độ

DR

VAN BI 3 MẢNH TAY GẠT NỐI HÀN INOX
316-304

Hàn đối đầu - (B/W)
Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - Inox SUS 304
Teflon - PTFE
Maximum 1000 WOG/PSI
Max 200°C

Kích Cỡ
Sử Dụng
Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

DN 15A đến DN 50A ~ (1/2" inch đến 2" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%
Đài Loan
Xin liên hệ

VAN BÌ HÀN INOX 3 MẢNH

[Xem thêm VAN BÌ HÀN INOX 3 MẢNH](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM
Kiểu Nối
Định Hướng
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bì Van

Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

—
DR
VAN BÌ 3 NGÃ NỐI REN INOX 316/ 304
Ren trong - BS PT, NPT (Nối 3 đầu ren trong)
Đóng & Mở : Kiểu Chữ L & T
Thép không gỉ- Inox A531 CF8M/ 316 & CF8/ 304
Thép không gỉ- Inox A531 CF8M/ 316 & CF8/ 304
Thép không gỉ- Inox SS 304 & SS 316
Thép không gỉ- Inox A351/ SUS 316 & A351/
SUS 304
Ron Teflon - PTFE
1000 WOG-PSI
DN 8A → DN 50A ~ (1/4" inch → 2" inch)
Nước, nước thải, hóa chất, dầu, gas, khí nén, hơi
nóng, ...
Hàng có sẵn, mới 100%
Đài Loan
Xin liên hệ

[VAN BI 3 NGÃ TAY GẠT INOX 316](#)

[Xem thêm VAN BI 3 NGÃ TAY GẠT INOX 316](#)